TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/DS-ST
Ngày 27-4-2023
V/v tranh chấp Hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Võ Minh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Minh Trọn**
Bà **Phạm Hồng Ân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Châu Sơn Ca –** Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 620/2022/TLST-DS ngày 06/12/2022 về tranh chấp "Hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2023/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Tiết Văn R**, sinh năm: 1985 (có mặt).
Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.
- *Bị đơn:* Ông **Phạm An T** (có mặt).
Bà **Trần Thị N** (có mặt).
Địa chỉ: Ấp N, xã K, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa nguyên đơn ông Tiết Văn R trình bày:

Vào ngày 05/11/2019 (âm lịch) ông Phạm An T, bà Trần Thị N có mở dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm có 34 chưng, mỗi tháng khui 01 lần. Ông Tiết Văn R tham gia 03 chưng, ông R đã hốt trước đó 02 chưng ông T, bà N chung tiền hụi cho ông đầy đủ. Chưng thứ 03 ông R hốt hụi sau cùng với số tiền 60.500.000 đồng, ông T, bà N không chung tiền hụi cho ông. Ông R khởi kiện yêu cầu ông T, bà N trả số tiền 60.500.000 đồng. Sau đó ông L, bà N có trả được cho ông số tiền 24.500.000 đồng, còn nợ lại 36.000.000 đồng. Ông Tiết Văn R yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm An T, bà Trần Thị N trả cho ông số tiền 36.000.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Tiết Văn R xin rút lại một phần yêu cầu với số tiền 24.5000.0000 đồng.

Bị đơn ông Phạm An T, bà Trần Thị N trình bày:

Ngày 05/11/2019 (âm lịch) ông Phạm An T, bà Trần Thị N có mở dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm có 34 chưng, mỗi tháng khui 01 lần. Ông Tiết Văn R tham gia 03 chưng, ông R đã hốt trước đó 02 chưng. Chưng hụi thứ 03 ông R hốt hụi sau cùng, hốt hụi được số tiền 60.500.000 đồng, ông T, bà N có trả được số tiền 24.500.000 đồng, còn nợ lại 36.000.000 đồng. Ông Phạm An T, bà Trần Thị N đồng ý trả cho ông R số tiền 36.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm An T, bà Trần Thị N có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn ông Tiết Văn R khởi kiện bị đơn ông Phạm An T, bà Trần Thị N về việc tranh chấp "Hụi" nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Tiết Văn R khởi kiện bị đơn ông Phạm An T, bà Trần Thị N về việc bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền hụi 36.000.000 đồng. Xét đây là quan hệ pháp luật tranh chấp "Hụi".

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa nguyên đơn ông Tiết Văn R xác định, ngày 05/11/2019 (âm lịch) ông Phạm An T, bà Trần Thị N có mở dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm có 34 chưng, mỗi tháng khui 01 lần. Ông Tiết Văn R tham gia 03 chưng, ông R đã hốt trước đó 02 chưng ông T, bà N chung tiền hụi đầy đủ. Chưng thứ 03 ông R hốt hụi sau cùng, với số tiền 60.500.000 đồng, ông T, bà N có trả được số tiền 24.500.000 đồng còn nợ lại 36.000.000 đồng. Ông Tiết Văn R yêu cầu ông Phạm An T, bà Trần Thị N trả số tiền 36.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị đơn ông Phạm An T, bà Trần Thị N thừa nhận nội dung trình bày của ông R là đúng. Ngày 05/11/2019 (âm lịch) ông Phạm An T, bà Trần Thị N có mở dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, ông Tiết Văn R có tham gia 03 chưng, ông R đã hốt trước 02 chưng. Chưng hụi thứ 03 ông R hốt hụi sau cùng với số tiền 60.500.000 đồng, ông T, bà N có trả được số tiền 24.500.000 đồng, còn nợ số tiền 36.000.000 đồng. Ông T, bà N đồng ý trả số tiền 36.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng góp hụi giữa nguyên đơn và bị đơn là có thực tế diễn ra, bị đơn thừa nhận nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 36.000.000 đồng. Từ những căn cứ nêu trên, căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự, nguyên đơn ông Tiết Văn R yêu cầu bị đơn ông Phạm An T, bà Trần Thị N trả số tiền 36.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét đối với rút một phần yêu cầu của nguyên đơn số tiền 24.500.000 đồng. Xét thấy tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối số tiền 24.500.000 đồng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 217, Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Tiết Văn R, buộc bị đơn ông Phạm An T, bà Trần Thị N trả cho ông R số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng).

Đình chỉ đối với rút một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 24.500.000 đồng.

Kể từ ngày ông Tiết Văn R có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm An T, bà Trần Thị N không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm An T, bà Trần Thị N phải chịu án phí số tiền 1.800.000 đồng. Ông Tiết Văn R không phải chịu án phí, Ông R có nộp tạm ứng án phí số tiền 1.513.000 đồng, theo biên lai thu số 0018422 ngày 05 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được hoàn lại.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Võ Minh Luân